

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 07/CV-HONGFU VN ngày 12/5/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá và Công văn số 08/CV-HFVN ngày 12/7/2023 về việc giải trình hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 842/TTr-STNMT ngày 19 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam, địa chỉ tại: Lô CN 04, Khu công nghiệp Hoàng Long, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh

Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Định Liên và xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2802439878, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/5/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2802439878

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cụm công nghiệp, gồm các ngành nghề hoạt động: Nhóm dự án doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, giày da, mây tre đan; nhóm các dự án cơ khí, sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản xuất máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp (phục vụ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm lâm nghiệp), sản xuất vật liệu xây dựng; nhóm các dự án chế biến nông, lâm sản và các ngành nghề khác có liên quan.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô cơ sở: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất khu Cụm công nghiệp theo quy hoạch khoảng 716.895,5 m². Trong đó, diện tích đất được UBND tỉnh Thanh Hoá cho thuê để xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng là: 455.165,5 m². Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 30 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 7 năm 2033).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 47/GP-UBND được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Yên Định (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các nhà máy tại khu đất CN3 được xử lý sơ bộ và thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 03, công suất 500 m³/ngày.đêm để xử lý. Lưu lượng nước thải phát sinh 450 m³/ngày.đêm, sau khi xử lý, lượng nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng là 180 m³/ngày.đêm, lượng nước thải ra môi trường là 270 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các nhà máy tại khu đất CN4-01 và CN4-02 được xử lý sơ bộ và thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 04, công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý. Lưu lượng nước thải phát sinh 992 m³/ngày.đêm, sau khi xử lý, lượng nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng là 396,8 m³/ngày.đêm, lượng nước thải ra môi trường là 595,2 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các nhà máy tại khu đất CN1, CN2 và khu Nhà điều hành được xử lý sơ bộ và thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 05, công suất 500m³/ngày.đêm để xử lý. Lưu lượng nước thải phát sinh 416,8 m³/ngày.đêm, sau khi xử lý, lượng nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng là 164,8 m³/ngày.đêm, lượng nước thải ra môi trường là 252 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống kênh tiêu thoát nước cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, sau đó chảy ra kênh tiêu Mau Bồn và chảy ra sông Cầu Chày.

- Dòng nước thải số 01: Nước thải ra môi trường từ Trạm xử lý nước thải tập trung số 03 và Trạm nước thải tập trung số 04 dẫn về kênh đo lưu lượng của Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục số 02 (đặt cạnh Trạm nước thải tập trung số 04).

- Dòng nước thải số 02: Nước thải ra môi trường từ Trạm xử lý nước thải tập trung số 05 dẫn về kênh đo lưu lượng của Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục số 03 (đặt cạnh Trạm nước thải tập trung số 05).

2.2. Vị trí xả thải:

2.2.1. Vị trí xả thải của dòng nước thải số 01 và số 02, cụ thể như sau:

- Vị trí xả thải của dòng nước thải số 01: Nước thải sau xử lý của Trạm quan trắc tự động, liên tục số 02. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2209979.71$; $Y(m) = 566671.77$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), thuộc thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Vị trí xả thải dòng nước thải số 02: Nước thải sau xử lý của Trạm quan trắc tự động, liên tục số 03. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2210542.71$; $Y(m) = 566014.03$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), thuộc thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

2.2.2. Vị trí xả nước thải vào Hệ thống kênh tiêu thoát nước cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, có tọa độ điểm đầu nối: $X(m) = 2209614.32$; $Y(m) = 566348.4$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0), thuộc thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2.2.3. Vị trí tiếp nhận nước thải từ Hệ thống kênh tiêu thoát nước cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào vào kênh tiêu Mau Bồn, có tọa độ điểm đầu nối: $X(m) = 2209525.65$; $Y(m) = 566396.32$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), thuộc thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý đã có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $1.117,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ), trong đó:

- Dòng nước thải số 01, lưu lượng xả thải lớn nhất: $865,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dòng nước thải số 02, lưu lượng xả thải lớn nhất: $252 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau xử lý từ các Trạm xử lý nước thải tập trung dẫn về kênh đo lưu lượng của Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục và tự chảy vào hệ thống kênh tiêu thoát nước cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, sau đó tự chảy vào kênh tiêu Mau Bồn, ra sông Cầu Chày.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTN MT (cột B, $K_q =$ $0,9$, $K_f = 1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục

1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	5,5 đến 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
4	COD	mg/l	148,5		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
6	Màu	Pt/Co	150	03 tháng/lần	Không phải lắp đặt
7	BOD ₅	mg/l	49,5		
8	Sắt	mg/l	4,95		
9	Chì	mg/l	0,495		
10	Đồng	mg/l	1,98		
11	Kẽm	mg/l	2,97		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
13	Tổng Nitơ	mg/l	39,6		
14	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,94		
15	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,495		
16	Florua (F ⁻)	mg/l	9,9		
17	Clo dư	mg/l	1,98		
18	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải của nguồn số 01 được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 03, công suất 500 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải của nguồn số 02 được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 04, công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải của nguồn số 03 được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 05, công suất 500 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sau xử lý từ các trạm xử lý nước thải tập trung số 03, 04 và 05 một phần tuần hoàn, tái sử dụng cho các nhà vệ sinh công cộng, dự phòng PCCC; phần còn lại được đầu nối thoát nước thải vào Hệ thống kênh tiêu thoát nước cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, sau đó chảy vào Kênh tiêu Mau Bồn, ra sông Cầu Chày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ (*công nghệ xử lý nước thải của 03 Trạm xử lý nước thải tập trung số 03, 04 và 05 được Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam đầu tư xây dựng có cùng công nghệ xử lý như nhau*), cụ thể như sau:

Nước thải → Bể thu gom nước thải → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể nước ra → Bồn lọc cát → Bồn lọc hoạt tính → Bể chứa nước sau xử lý → Mương quan trắc → Hệ thống kênh tiêu thoát nước cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào → kênh tiêu Mau Bồn → sông Cầu Chày.

- Công suất thiết kế các trạm xử lý nước thải tập trung như sau:

- + Trạm xử lý nước thải tập trung số 03: 500 m³/ngày đêm;
- + Trạm xử lý nước thải tập trung số 04: 1.000 m³/ngày đêm;
- + Trạm xử lý nước thải tập trung số 05: 500 m³/ngày đêm;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Ca(OCl)₂, phèn nhôm PAC, Polymer Cation (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi, giám sát; cụ thể như sau:

- Số lượng: 02 trạm.

- Vị trí lắp đặt:

+ Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục số 02 (đặt cạnh Trạm nước thải tập trung số 04).

+ Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục số 03 (đặt cạnh Trạm nước thải tập trung số 05).

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, Amoni, Chất rắn lơ lửng (TSS), COD.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 02 thiết bị (01 thiết bị/trạm).

- Camera theo dõi, giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 02 bể sự cố với thể tích chứa 405m³ (tại Trạm xử lý nước thải

tập trung số 03 và Trạm xử lý nước thải tập trung số 05) và 01 bể sự cố với thể tích 1.020m^3 (Trạm xử lý nước thải tập trung số 4) đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp các Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, thời gian lưu chứa khoảng 01 ngày.

- Trường hợp quá thời gian lưu 01 ngày mà chưa khắc phục được sự cố, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải theo quy định.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp chảy về bể gom, sau đó bơm về bể sự cố để lưu giữ. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, phát hiện và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố:

+ Do các thiết bị của hệ thống: Nước thải được chứa vào bể thu gom, nếu nước thải vượt quá thì được bơm về bể sự cố để lưu trữ. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của Dự án. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý;

+ Sự cố do quá trình xử lý hóa lý: Nước thải được bơm về bể sự cố để lưu trữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra nồng độ pH, điều chỉnh hóa chất thích hợp, điều chỉnh tốc độ khuấy trộn và tăng cường quá trình keo tụ. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý;

+ Sự cố do quá trình xử lý sinh học: Nước thải được bơm về bể sự cố để lưu trữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tiến hành tăng cường sục khí cung cấp ô xi, bổ sung dinh dưỡng, tăng cường tuần hoàn bùn mới và tốc độ rút bùn dư. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp, sẽ được bơm chuyên tải về hố thu kế tiếp đảm bảo nước thải được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Đối với nước thải sau xử lý ra mương tiêu thoát nước chung của khu vực, trong trường hợp nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho

phép, Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào:

Nước thải sản xuất và sinh hoạt từ các nhà đầu tư thứ cấp phải đạt tiêu chuẩn đầu vào của các Trạm xử lý nước thải tập trung số 03, 04 và 05 như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn đầu vào
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5-9
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	550
4	COD	mg/l	700
5	Amoni (NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	100
6	Độ màu	Pt/Co	600
7	BOD ₅	mg/l	400
8	Sắt	mg/l	40
9	Chì	mg/l	10
10	Đồng	mg/l	10
11	Kẽm	mg/l	20
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	50
13	Tổng N	mg/l	200
14	Tổng P	mg/l	40
15	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	50
16	Florua (F ⁻)	mg/l	50
17	Clo dư	mg/l	50
18	Coliform	MPN/100ml	40.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Trạm xử lý nước thải tập trung số 03, đặt tại khu đất CN3, công suất 500 m³/ngày.đêm: 03 tháng từ tháng 9/2023.

- Trạm xử lý nước thải tập trung số 04, đặt tại khu CN4-2, công suất 1.000 m³/ngày.đêm: 03 tháng kể từ ngày nhà đầu tư thứ cấp đi vào hoạt động.

- Trạm xử lý nước thải tập trung số 05, đặt cạnh khu trung tâm điều hành, công suất 500 m³/ngày.đêm: 03 tháng kể từ ngày nhà đầu tư thứ cấp đi vào hoạt động.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Trạm xử lý nước thải tập trung số 03, đặt tại khu đất CN3, công suất 500 m³/ngày.đêm.

- Trạm xử lý nước thải tập trung số 04, đặt tại khu CN4-2, công suất 1000 m³/ngày.đêm.

- Trạm xử lý nước thải tập trung số 05, đặt cạnh khu trung tâm điều hành, công suất 500 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom và mẫu nước thải đầu ra tại bể chứa nước sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của các doanh nghiệp thứ cấp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; lượng và loại hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành được lưu giữ tối đa 02 năm.

3.5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; dữ liệu quan trắc tự động phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Yên Định thực hiện thủ tục đấu nối thoát nước thải của Cụm công nghiệp ra kênh tiêu Mau Bồn (*Công ty TNHH MTV thuỷ lợi Nam Sông Mã là đơn vị được giao quản lý công trình thuỷ lợi kênh tiêu Mau Bồn*) và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về việc xả nước thải vào công trình thuỷ lợi theo quy định. Trường hợp xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng tới chất lượng của công trình thuỷ lợi, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thuỷ lợi để giải quyết theo thủ tục đấu nối đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.8. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đặt tại khu đất CN3 của Cụm công nghiệp, công suất 100KVA (hoạt động không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng).

- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đặt tại khu đất CN4 của Cụm công nghiệp, công suất 100KVA (hoạt động không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng).

- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đặt tại khu đất trung tâm điều hành của Cụm công nghiệp, công suất 100KVA (hoạt động không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tại ống thải của máy phát điện dự phòng tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2210331.50$; $Y(m) = 566385.66$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).

- Dòng khí thải số 02: Tại ống thải của máy phát điện dự phòng tại thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá;

Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2209971.33$; $Y(m) = 566666.43$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).

- Dòng khí thải số 03: Tại ống thải của máy phát điện dự phòng tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá;

Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 2210482.99$; $Y(m) = 566017.74$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả thải: Dòng khí thải số 01, 02 và số 03 phát thải không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải nguồn số 01, 02 và số 03 (nhiên liệu sử dụng là dầu DO): Chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, khí thải được xử lý qua hệ thống xử lý đồng bộ của máy phát điện, nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi và khí thải

Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua ống khói kèm theo máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được xử lý qua hệ thống xử lý đồng bộ của máy phát điện trước khi thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung số 03 tại khu CN3.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung số 04 tại khu CN4.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung số 05 tại khu trung tâm điều hành Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng tại khu đất CN3.
- Nguồn số 05: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng tại khu đất CN4.
- Nguồn số 06: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng tại khu trung tâm điều hành.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí tại nguồn số 01: Tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ: $X(m)=2210314.96$; $Y(m)=566393.52$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).
- Vị trí tại nguồn số 02: Tại thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ: $X(m)=2209945.34$; $Y(m)=566680.00$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).
- Vị trí tại nguồn số 03: Tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ: $X(m)=2210561.85$; $Y(m)=565995.90$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).
- Vị trí tại nguồn số 04: Tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ: $X(m)=2210331.50$; $Y(m)=566385.66$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).
- Vị trí tại nguồn số 05: Tại thôn Tân Ngũ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ: $X(m)=2209971.33$; $Y(m)=566666.43$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).
- + Vị trí tại nguồn số 06: Tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ: $X(m)=2210482.99$; $Y(m)=566017.74$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn; Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ thải	18 02 01	480
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	100
4	Dung môi tẩy sơn hoặc véc ni thải	08 01 05	50
5	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	50
6	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	10
7	Pin thải	16 01 12	10
Tổng khối lượng			900

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại của trung tâm điều hành; bùn thải các trạm xử lý nước thải tập trung	580.000
2	Vật liệu lọc	10.000
Tổng khối lượng		590.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	18,25

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, ghi nhãn mác từng loại, dung tích 200 lít/thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực có diện tích 5,0m² trong nhà chứa tập kết chất thải (diện tích 20 m²) của Cụm công nghiệp, tại khu trung tâm điều hành, được ngăn cách với khu vực khác bằng vách ngăn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng lưu chứa, dung tích 200 lít/thùng. Các loại thiết bị, vật liệu lọc sửa chữa, thay thế từ hệ thống xử lý nước thải, trạm xử lý nước sạch; bùn thải không chứa thành phần nguy hại được đóng vào thùng, bao chứa và tập kết vào khu lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực có diện tích 10,0m² trong nhà chứa tập kết chất thải (diện tích 20 m²) của Cụm công nghiệp, tại khu trung tâm điều hành, được ngăn cách với khu vực khác bằng vách ngăn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng composite dung tích 100 lít, có nắp đậy và bánh xe; Bao bì mềm PE, PP hai lớp. Thùng nhựa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực có diện tích 5,0m² trong nhà chứa tập kết chất thải (diện tích 20 m²) của Cụm công nghiệp, tại khu trung tâm điều hành, được ngăn cách với khu vực khác bằng vách ngăn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.4. Chuyển giao chất thải: Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 18/01/2021.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, trách nhiệm về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 100 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.